

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Văn Long

Giám thị 2: Cao Văn Tài

Giám thị 3: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

Ký tên: _____

Ký tên: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	Phát				C26TC	
2	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyền	24/12/2006	Quyền				C26KT	
3	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	Quyền				C26TC	
4	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994	Sang				C26KT	
5	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	Sương				C26KT	
6	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	Thảo				C26KT	
7	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	Thu				C26KT	
8	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	Thuận				C26TC	
9	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	Thùy				C26TC	
10	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	Thư				C26KT	
11	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	Thư				C26TC	
12	2410110018	Bùi Ngọc Thùy Tiên	28/10/2006	Tiên				C26KT	
13	2410120003	Phùng Thị Thùy Tiên	23/07/2005	Tiên				C26TC	
14	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006	Tiến				C26TC	
15	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	Tiến				C26KT	
16	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	Trâm				C26KT	
17	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	Trâm				C26TC	
18	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	Trâm				C26KT	
19	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	Triết				C26KT	
20	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006	Trinh				C26TC	
21	2410120011	Huỳnh Thị Thủy Trinh	15/11/2006	Trinh				C26TC	
22	2410110003	Lê Duy Trinh	24/7/2005	Trinh				C26KT	
23	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	Trúc				C26TC	
24	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	Trúc				C26KT	
25	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	Tuyền				C26KT	
26	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	Uyên				C26KT	
27	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	Vi				C26KT	
28	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006	Vy				C26TC	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
29	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006					C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

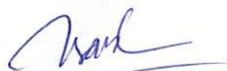
Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



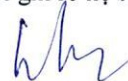
Trần Phú Hòa



Ngày 26 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê

Mã bài thi: ECNU62

Thời gian thi: 25/07/2025 13:30:00

Thời gian kết thúc: 25/07/2025 14:30:00

Giám thị 1: GV Long Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: GV Tài Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26TC	
2	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy, năm	C26KT	
3	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TC	
4	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26KT	
5	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26KT	
6	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26KT	
7	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TC	
8	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26KT	
9	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TC	
10	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy, năm	C26TC	
11	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
12	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26KT	
13	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	<u>[Signature]</u>	3.2	Ba, hai	C26KT	
14	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006	<u>[Signature]</u>	2.2	Hai, hai	C26TC	
15	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26KT	
16	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26KT	
17	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
18	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
19	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26KT	
20	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TC	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
22	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TC	
23	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26KT	
24	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26KT	
25	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26KT	
26	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26KT	
27	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/05/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
28	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	<u>[Signature]</u>	3.2	Ba, hai	C26TC	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 21

Ngày 27 tháng 7 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Lê Trung Sơn

PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

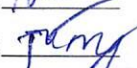
Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006					C26TC	
2	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000					C26KT	
3	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006					C26TC	
4	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006					C26KT	
5	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996					C26KT	
6	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001					C26KT	
7	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004					C26KT	
8	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006					C26TC	
9	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006					C26TC	
10	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006					C26KT	
11	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006					C26KT	
12	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006					C26TC	
13	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006					C26KT	
14	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003					C26TC	
15	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006					C26TC	
16	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006					C26TC	
17	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005					C26KT	
18	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006					C26KT	
19	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006					C26TC	
20	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006					C26KT	
21	2210120015	Trần Tấn	Nam	14/04/2003					C24TC1	
22	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000					C26TC	
23	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006					C26KT	
24	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006					C26TC	
25	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006					C26TC	
26	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006					C26KT	
27	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006					C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
28	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<i>Oanh</i>				C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 28 / 28.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 27 tháng 7 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nhà
Trần Thị Hoa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Wh
Lê Trung Sơn



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê

Mã bài thi: B00TRE

Thời gian thi: 25/07/2025 13:30:00

Thời gian kết thúc: 25/07/2025 14:30:00

Giám thị 1: Ngô Văn Trùng Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Phạm Thị Tường Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TC	
2	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26KT	
3	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26TC	
4	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26KT	
5	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26KT	
6	2410110004	Bạch Văn Hai	22/02/1996	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	
7	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C26KT	
8	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26TC	
9	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26TC	
10	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26KT	
11	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26KT	
12	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26TC	
13	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26KT	
14	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
15	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
16	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26TC	
17	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26KT	
18	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26KT	
19	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
20	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	<u>[Signature]</u>	2.2	Hai, hai	C26KT	
21	2210120015	Trần Tân Nam	14/04/2003	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C24TC1	
22	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26TC	
23	2410120012	Nguyễn Thị Yên Nhi	05/11/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
24	2410120022	Nguyễn Thị Yên Nhi	16/05/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
25	2410120019	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	12/02/2006	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn, năm	C26KT	
26	2410110024	Đấy Minh Như	13/07/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26KT	
27	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
28	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26KT	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 25 tháng 7 năm 2025
TRƯỜNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thu Hòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Lê Trung Sơn

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

10TXĐK
06 CK-

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		9,5	chín, năm	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		9,3	chín, ba	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		9,8	chín, tám	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		9,5	chín, năm	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		9,3	chín, ba	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		9,5	chín, năm	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		9,5	chín, năm	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		8,5	tám, năm	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		7,3	bảy, ba	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		6,8	sáu, tám	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		8,5	tám, năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		7,0	bảy, không	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		9,5	chín, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		7,3	bảy, ba	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		9,5	chín, năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		10,0	mười	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		6,8	sáu, tám	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		9,5	chín, năm	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		10,0	mười	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		10,0	mười	L2
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		10,0	mười	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		10,0	mười	
23	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		7,5	bảy, năm	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		9,3	chín, ba	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		7,0	bảy, không	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		8,8	tám, tám	

STT	Mã SV	Họ và tên	Trình	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT	<i>duy</i>	8,3	<i>lưu, lạc</i>	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>minh</i>	8,5	<i>lưu, lạc</i>	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>luyen</i>	9,5	<i>chín, năm</i>	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>uyen</i>	9,0	<i>chín, mười</i>	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>vi</i>	9,5	<i>chín, năm</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 31 / 31.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Mark
Tiến Phú Hòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Wm
Lê Trung Sơn

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		7,5	7,5	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		8,5	8,5	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		8,0	8,0	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		6,5	6,5	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		8,5	8,5	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		7,5	7,5	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		7,0	7,0	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		8,0	8,0	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		8,0	8,0	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		7,0	7,0	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		5,0	5,0	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		7,0	7,0	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		7,0	7,0	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		7,0	7,0	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		7,0	7,0	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		7,5	7,5	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		8,0	8,0	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		6,5	6,5	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		7,0	7,0	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		8,0	8,0	
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		8,0	8,0	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		7,5	7,5	
23	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		8,0	8,0	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,0	8,0	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		8,0	8,0	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		8,0	8,0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT		8,0	tám, không	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT		8,0	tám, không	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT		7,5	bảy, năm	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT		8,0	tám, không	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT		7,0	bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 31 / 31.

Ngày: 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

TK

FT

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC		6,3	sáu, ba	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC		9,5	chín, năm	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC		7,3	bảy, ba	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC		9,8	chín, tám	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC		10,0	mười	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC		7,3	bảy, ba	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC		9,3	chín, ba	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC		10,0	mười	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC		7,0	bảy, không	
10	2410120030	Vì Thị	Ngọc	15/03/1995	C26TC				L2
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC		9,5	chín, năm	
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC		6,0	sáu, không	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC		7,3	bảy, ba	
14	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC		7,3	bảy, ba	
15	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC		9,5	chín, năm	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC		9,5	chín, năm	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC		10,0	mười	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC		7,5	bảy, năm	L2
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC		10,0	mười	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC		9,3	chín, ba	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC		7,0	bảy, không	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006	C26TC		10,0	mười	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC		9,8	chín, tám	
24	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC		7,3	bảy, ba	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC		8,8	sáu, tám	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC		7,3	bảy, ba	

- Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 04. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày: 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoa

Ngày: 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

TRƯỜNG

1

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC		8,0	tám, không	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC		8,0	tám, không	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC		7,5	bảy, năm	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC		7,5	bảy, năm	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC		8,0	tám, không	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC		8,0	tám, không	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC		7,0	bảy, không	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC		8,0	tám, không	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC		8,0	tám, không	
10	2410120030	Vì Thị	Ngọc	15/03/1995	C26TC				L2
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC		8,0	tám, không	
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC		8,0	tám, không	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC		8,0	tám, không	
14	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC		8,0	tám, không	
15	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC		8,0	tám, không	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC		8,0	tám, không	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC		7,5	bảy, năm	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC		7,0	bảy, không	L2
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC		7,0	bảy, không	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC		8,0	tám, không	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC		8,0	tám, không	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn	Trinh	06/10/2006	C26TC		7,5	bảy, năm	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thủy	Trinh	15/11/2006	C26TC		8,0	tám, không	
24	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC		7,5	bảy, năm	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC		8,0	tám, không	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC		8,0	tám, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 01. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày: 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

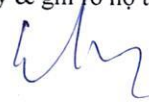


Trần Phú Hòa.

Ngày: 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Le Trung San

18

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG
HƯỚNG DẪN

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Nam	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn	Nam	14/04/2003	C24TC1	Nam	10,0	mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nam
Trần Phú Hòa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

h
Lê Trung San

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: 24311MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	C24TC1	<i>Nam</i>	5,0	<i>nam, không</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

1 . TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Lê Trung San